

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/DS-PT
Ngày: 04 - 4 - 2023
Về việc tranh chấp quyền sử
dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Triệu Hữu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũng

Ông Phạm Trường Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Yến - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Lữ Thị Tuyết Lan- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 15 tháng 3 và ngày 04 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279 /2022/TLPT-DS ngày 15 tháng 12 năm 2022 về *tranh chấp quyền sử dụng đất*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 132/2022/DS-ST ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 27/2023/QĐPT-DS ngày 16 tháng 02 năm 2023 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 46/2023/QĐPT-DS ngày 15 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn D, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp P, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Long: có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Văn H1, Luật sư của Văn phòng Luật sư Phạm Văn Hồng thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long: có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn H2, sinh năm 1964. Địa chỉ: ấp P, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Long: có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trương Ngọc S, Luật sư của Văn phòng Luật sư Ngọc Sơn thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long: có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. **Chùa P.** Địa chỉ: ấp P, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Diễm, sinh năm 1974. Pháp danh Thích Thiện Huân là Trụ trì Chùa Pháp Bửu: có mặt.

3.2. Cụ **Trần Thị C**, sinh năm 1942. Địa chỉ: ấp P, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Long: có đơn xin vắng mặt.

3.3. Bà **Lê Thị Tuyết M1**, sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp K, xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Long: có mặt.

3.4. Bà **Lê Thị Mỹ H3**, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp P, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Long: có mặt.

3.5. Bà **Lê Thị Kim T**, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Long: có mặt

3.6. **Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q.** Địa chỉ: ấp P, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1960. Địa chỉ: thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long: vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn **Lê Văn H2**

Trong giai đoạn phúc thẩm, phát sinh thêm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Lê Thị H4**, sinh năm 1989. Địa chỉ: ấp P, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long: có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 11 năm 2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Lê Văn D đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Chùa P trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp thuộc thửa 40, tờ bản đồ số 0001, diện tích 860m², loại đất xây dựng, tọa lạc tại ấp P, xã Đ, huyện V do cụ Lê Văn E là cha ruột của ông Lê Văn C1 (Pháp danh Thích Thiện P) phát tâm cúng dường để xây dựng chùa trước năm 1973 và được chính quyền của chế độ cũ chấp thuận xây cất ngày 07/4/1973 với tên gọi chùa P. Đến năm 1991, do chùa cũ xuống cấp nên ông C1 có đơn xin sửa chữa và được UBND xã T xác nhận ngày 08/10/1991. Khi sửa chữa, có di dời lên phía trước, cũng là đất của chùa do ông Lê Văn C1 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/9/1995. Tuy nhiên, phần đất nền chùa cũ đã bị ông Lê Văn H2, là em ruột của ông Lê Văn C1 chiếm sử dụng. Do vậy, ông Lê Văn D là con của ông Lê Văn C1 (chết năm 2015) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn là ông Lê Văn H2 trả lại phần đất do ông H2 đã lấn chiếm theo diện tích đo đạc thực tế 740m² thuộc chiết thửa 29 (thửa cũ 40), tờ bản đồ 02 (tờ bản đồ số 0001 cũ) để ông Lê

Văn D, Pháp danh Thích Thiện H giao lại cho chùa P quản lý sử dụng theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 17 tháng 12 năm 2021, đơn phản tố ngày 20 tháng 12 năm 2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Lê Văn H2 trình bày:

Thông nhất mối quan hệ gia đình, nguồn gốc phần đất tranh chấp, việc cụ Lê Văn E cho đất để ông Lê Văn C1 xây cất chùa, việc di dời chùa như nguyên đơn trình bày nhưng không đồng ý với yêu cầu khởi kiện. Đồng thời, yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận quyền sử dụng đất với lý do: Năm 1979, cụ E phân chia đất, ông C1 yêu cầu đổi vị trí đất đến cấp lộ để sau này di dời chùa và trả lại phần đất chùa cũ (nay là thửa 40) cho ông H2 là người sống chung với cha mẹ. Sau khi cha mẹ chết (cụ E chết năm 1980, vợ cụ E chết năm 1989), các con đều đồng ý việc cha mẹ chia đất. Năm 1992, ông C1 di dời chùa P ra vị trí đất được cha mẹ cho gần đường lớn (nay là tỉnh lộ 907) để thuận tiện cho phật tử cúng viếng, trả lại nền chùa cũ nên ông H2 đã nhận phần đất 860m² canh tác, trồng cây ăn trái, hưởng huê lợi và sau đó là cho thuê đất cho đến nay. Các sự kiện chứng minh ông Lê Văn C1 và ông Lê Văn D thừa nhận diện tích 860m² (thuộc thửa 40) của ông H2 gồm: từ khi ông C1 di dời chùa P ra vị trí mới trả lại đất cha mẹ chia năm 1979, ông H2 đã sử dụng liên tục, ổn định, trồng cây lâu năm không ai tranh chấp; vào năm 2010, ông H2 cho ông Nguyễn Văn Q thuê mặt bằng, ông C1 không có ý kiến, không nói gì đến việc đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; khoảng năm 2012, đo đạc theo dự án VLAP, ông D có ra chỉ ranh và ký tên chủ giáp ranh, xác định phần đất tranh chấp của ông H2 thuộc thửa 29, diện tích 7.512,5m², còn ông D kê khai đăng ký thửa 64, diện tích 1.674,8m² và thửa 65, diện tích 990,1m² do chùa P đứng tên. Như vậy, cả ông C1 và ông D nhiều lần xác định ông H2 là chủ sử dụng phần đất 860m² (thuộc thửa 40) nhưng sau khi ông C1 chết, ông D mới biết ông C1 có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên khởi kiện. Do vậy, bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện; yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông C1 và công nhận cho ông H2 được quyền sử dụng phần đất tranh chấp, diện tích đo đạc thực tế 740m² thuộc thửa 29 do ông Hoàng đang quản lý, sử dụng.

Tại bản khai ý kiến ngày 08 tháng 6 năm 2022 và lời khai trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Q trình bày: Ông Q đã đại diện Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q ký kết hợp đồng thuê đất với ông Lê Văn H2. Nếu Tòa án giải quyết công nhận quyền sử dụng đất tranh chấp là của ông Lê Văn D và các con của ông Lê Văn C1 thì ông Q đồng ý di dời phần cát trên đất để trả lại đất cho ông D.

Tại bản khai ý kiến ngày 01 tháng 12 năm 2021 và lời khai trong quá

trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị C là vợ của ông Lê Văn C1 cùng các con với ông C1 là Lê Thị Tuyết M, Lê Thị Mỹ H3, Lê Thị Kim T trình bày: thống nhất yêu cầu khởi kiện, không có yêu cầu độc lập trong vụ án và tham gia tố tụng về phía nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 132/2022/DS-ST ngày 27 tháng 10 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 100, Điều 102, Điều 203 Luật đất đai 2013; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, 147, 257, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 273 500, 582 Bộ luật dân sự 2015; Điều 3, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Văn D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Trần Thị C, bà Lê Thị Tuyết M1, bà Lê Thị Mỹ H3, bà Lê Thị Kim T.

2. Buộc ông Lê Văn H2 giao trả lại cho chùa P phần đất thửa cũ 40, tờ bản đồ số 0001 (thửa mới là 29, tờ bản đồ số 2), diện tích theo đo đạc thực tế là 740m² đất tọa lạc tại ấp P, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do ông Lê Văn C1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(theo cột mốc mô tả kèm theo bản đồ địa chính khu đất ngày 26/5/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V).

3. Buộc công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q có ông Nguyễn Văn Q là người đại diện theo pháp luật khôi phục trả lại hiện trạng mặt bằng tại thửa 29, tờ bản đồ số 2, diện tích theo đo đạc thực tế là 740m² cho chùa P.

4. Cụ Trần Thị C, bà Lê Thị Tuyết M1, bà Lê Thị Mỹ H3, bà Lê Thị Kim T có nghĩa vụ giao thửa đất số thửa 29, tờ bản đồ số 2, diện tích theo đo đạc thực tế là 740m² cho chùa P.

Chùa P có trách nhiệm đền cơ quan có thẩm quyền đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Văn H2 về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long cấp cho ông C1 vào ngày 09/9/1995 đối với thửa 29 (thửa cũ 40), tờ bản đồ số 2 (0001), diện tích theo đo đạc thực tế là 740m² và công nhận cho ông H2 được quyền sử dụng đất...

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí đo đạc, việc thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại đơn kháng cáo ngày 04 tháng 11 năm 2022, bị đơn là ông Lê Văn H2 trình bày: Kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa án sơ thẩm theo hướng:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;
2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

2.1. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long cấp cho ông Lê Văn C1 ngày 09/9/1995 đối với thửa đất số 40, tờ bản đồ số 0001, diện tích 860m².

2.2. Công nhận cho ông Lê Văn H2 được quyền sử dụng phần diện tích đất tranh chấp theo đo đạc thực tế là 740m² tại thửa đất số 40, TĐĐ số 0001 (theo đo đạc VLAP thuộc thửa 29). Địa chỉ thửa đất: ấp P, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Long để ông H2 được kê khai, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại bản tự khai ngày 24 tháng 02 năm 2023 và lời khai trong giai đoạn phúc thẩm, nguyên đơn Lê Văn D không có kháng cáo trình bày: Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Lý do: Phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của Chùa P do ông Lê Văn C1, pháp danh Thích Thiện P kê khai đăng ký năm 1993 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng chưa điều chỉnh từ tên cá nhân sang tên cơ sở thờ tự theo yêu cầu của Ban tôn giáo ngày 03/12/2000 là do ông Lê Văn C1 bị bệnh tai biến trước năm 2000, kéo dài đến năm 2015 thì ông C1 chết và đất tranh chấp.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản định giá trong giai đoạn phúc thẩm, các đương sự thống nhất: Hiện trạng phần đất tranh chấp không có sự thay đổi. Giá đất 300.000 đồng/m² là giá thị trường. Hiện trạng trên phần đất tranh chấp có các cây trồng: 02 cây dừa; 03 bụi chuối; 01 cây sao; 01 cây trâm bầu; 02 cây trứng cá; 01 bụi dừa nước. Trong đó, dừa, chuối do ông Lê Văn H2 trồng. Ngoài ra, hiện trạng còn có phần bãi cát xây dựng do Công ty TNHH một thành viên Q quản lý sử dụng. Phần cát xây dựng có thể di dời được. Các đương sự thống nhất không yêu cầu định giá phần cây trồng, nếu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất cho ai thì người đó được hưởng cây trồng.

Tại văn bản số 576/BTS-VP ngày 11 tháng 3 năm 2023, Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Vĩnh Long xác định:

1. Việc khởi kiện của Thượng tọa Thích Thiện H (thê danh Lê Văn D), đương nhiệm trụ trì chùa P (theo Quyết định số: 150/QĐ-BTS, vào ngày 19/11/2009) tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Lê Văn H2 có liên quan đến chùa P với mục đích là “Giữ gìn, bảo quản tài sản Tự viện”, đó là thực hiện “quyền hưởng dụng tài sản Tự viện của Trụ trì” được căn cứ vào Khoản 3, Điều 30, Chương VI của Nội quy Ban Tăng sự Trung ương khóa VIII (2017-2022).

Về mặt quản lý Giáo hội đối với tu sĩ Phật giáo, Thường trực Ban trị sự GHPGVN tỉnh Vĩnh Long xét thấy: việc làm trên của Thượng tọa Thích Thiện H không vi phạm Giáo luật, Nội quy, Quy chế, Hiến chương của Giáo hội Phật giáo Việt Nam là việc làm hợp pháp, thuộc trách nhiệm của một vị trụ trì. Trong quá trình hoạt động Phật sự với vai trò trụ trì của Thượng tọa Thích Thiện H, nếu có gì vướng mắc cần hỗ trợ tháo gỡ để hoàn thành nhiệm vụ, Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Vĩnh Long theo nhiệm vụ quyền hạn của mình tận tình giúp đỡ.

2. Vào ngày 21/9/2021, Ban trị sự có xác nhận phần đất diện tích 860m² được nhà nước cấp QSDĐ số 01200 ngày 9/9/1995 là đất chùa, vì căn cứ vào Quyết định số:75/QĐ-BTS, vào ngày 20/11/2000 về việc công nhận cơ sở thờ tự trực thuộc tỉnh hội Phật giáo Vĩnh Long, trong đó có đề cập phần đất đó là giáo sản hợp pháp được Ban Tôn giáo tỉnh Vĩnh Long thời bấy giờ công nhận thông qua văn bản số: 235/CT-TG, vào ngày 03/12/2000. Việc giấy QSDĐ chưa chuyển từ tên cá nhân sang tên cơ sở thờ tự Chùa P là do Sở Địa chính, Cục thuế tỉnh Vĩnh Long không kết hợp với ông Lê Văn C1, hoặc ngược lại thực hiện theo chỉ đạo của ông Nguyễn Văn S, trưởng ban Tôn giáo thời bấy giờ. Nhưng việc chưa chuyển đổi giấy QSDĐ từ tên cá nhân sang tên tự viện, không làm mất đi giáo sản, quyền sở hữu hợp pháp của GHPGVN một khi đã được nhà nước và GHPGVN chấp nhận...

Ngoài ra, văn bản của Ban trị sự còn xác định chức vụ trụ trì chùa P, là người đại diện hợp pháp của Giáo hội; quy định về quyền định đoạt tài sản của Giáo hội chỉ có Trung ương Giáo hội, Ban trị sự tỉnh mới có quyền định đoạt; Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Chùa P.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, kháng cáo bổ sung và cung cấp chứng cứ mới có liên quan việc ông Lê Văn C1 còn có 02 người con là Lê Thị H4, Lê Thị M2 chưa được tham gia tố tụng trong giai đoạn sơ thẩm vì đương sự không biết nên không cung cấp chứng cứ cho Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29 tháng 3 năm 2023 và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị H4 trình bày: Chị Hiền là con ruột của ông Lê Văn C1 và bà Nguyễn Thị L nhưng trong giấy khai sinh thể hiện mẹ là bà Trần Thị C, bà C biết nhưng không phản đối. Ông C1 và bà L có hai người con chung là chị H4 và chị Lê Thị M2, địa chỉ huyện G, tỉnh Tiền Giang nhưng không rõ địa chỉ cụ thể.

Việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông D và ông H2 thì chị mới được biết sau khi Tòa án đã xét xử phúc thẩm và tạm ngừng phiên tòa. Chị H4 xác định bản thân là con ruột của ông C nên vụ việc tranh chấp trên sẽ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị. Do đó, chị yêu cầu tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để đảm bảo quyền và lợi ích hợp

pháp của chị trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với chị M2, chị H4 đã liên hệ nhưng chị M2 không đồng ý tham gia tố tụng trong vụ án và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh tụng, các đương sự thống nhất và không thống nhất các vấn đề như sau:

Vấn đề thống nhất: Quan hệ nhân thân giữa các đương sự, thời điểm xây cất chùa P và việc tặng cho đất cất chùa. Nguồn gốc phần đất là đất xây dựng Chùa P do ông Lê Văn C1 được cha là cụ Lê Văn E hiến tặng trước năm 1975. Thời điểm ông Lê Văn C1, pháp danh Thích Thiện P trụ trì chùa P kê khai đăng ký được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có phát sinh tranh chấp. Ông Lê Văn H2 cũng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không khiếu nại về việc phần đất tranh chấp không thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp.

Vấn đề không thống nhất: ông H2 trình bày đã được cha mẹ cho phần đất tranh chấp và canh tác từ nhỏ, ông Lê Văn C1 chỉ sử dụng phần đất nền chùa ngang 8m, dài 10m cho đến khi di dời chùa trả lại đất cho ông H2. Quá trình sử dụng, ông H2 cho thuê đất từ năm 2010, ông C1 và con là ông D đều biết, không phản đối. Ngoài ra, ông H2 còn thừa nhận việc sử dụng đất nền chùa cũ san lấp lấn sông Vàm V. Tuy nhiên, ông D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng về phía nguyên đơn không thừa nhận việc trả lại đất cho ông H2 vì quyền sử dụng phần đất tranh chấp là tài sản của Giáo hội Phật giáo Việt Nam do trụ trì Chùa P quản lý.

Về việc chị Lê Thị H4 yêu cầu tham gia tố tụng. Bị đơn và chị H4 cho rằng thực tế chị H4, chị M2 là con ruột của ông C1 với bà L nhưng chưa được tham gia tố tụng nên yêu cầu hủy án sơ thẩm. Tuy nhiên nguyên đơn và người tham gia tố tụng về phía nguyên đơn cho rằng Giấy khai sinh của chị H4, chị M2 do ông C1, bà C đứng tên cha mẹ vì muốn tạo điều kiện giấy tờ nhân thân hợp pháp chứ thực chất không có quan hệ huyết thống. Do vậy, về nội dung, vụ việc tranh chấp quyền sử dụng đất, bản chất phần đất đã được hiến tặng cho Chùa P nên không cần phải triệu tập thêm người tham gia tố tụng để kéo dài vụ án và gây thêm mâu thuẫn trong thân tộc vì ông H2 và ông D có quan hệ chú cháu. Chị Lê Thị H4 yêu cầu được tham gia tố tụng và yêu cầu bác đơn yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất của ông H2 để chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất tranh chấp.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho đương sự đề nghị chấp nhận yêu cầu của đương sự. Cụ thể:

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có kháng cáo trình bày: Trên cơ sở ý chí của bị đơn, quá trình sử dụng đất, có căn cứ công nhận quyền sử dụng đất cho ông H2. Ngoài ra, chùa P không có yêu cầu độc lập trong

vụ án; tư cách khởi kiện của nguyên đơn không phù hợp; tại cấp phúc thẩm phát sinh tình tiết mới là người thừa kế của cụ C1 mà chưa được cấp sơ thẩm làm rõ. Do vậy, đề nghị hủy án sơ thẩm để giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không có kháng cáo trình bày: Đơn khởi kiện của Chùa P tháng 10/2021 đã được sao gửi cho bị đơn nhưng trong quá trình thụ lý vụ án đã thay đổi đơn khởi kiện thành cá nhân khởi kiện là nguyên nhân khách quan. Về nội dung vụ án, có đầy đủ căn cứ pháp lý thể hiện phần đất tranh chấp là của chùa P như xác nhận của Ban trị sự, Ban Tôn giáo và thừa nhận của đương sự. Về việc tham gia tố tụng của chị H4, Giấy khai sinh của chị H4 và xác nhận của bà L là có mâu thuẫn. Bà C cũng có ý kiến xác định không có hai người con như bị đơn trình bày. Lời khai của bà L cũng được Trưởng ấp xác nhận không có thật. Do chứng cứ của ông H2 không có căn cứ, chị H4 không thống nhất trong lời khai. Vì vậy, kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ. Đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo để kết thúc vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bà Trần Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà C và ông Q là đúng quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Tại cấp phúc thẩm, phát sinh tình tiết mới chưa được xem xét làm rõ tại cấp sơ thẩm. Để giải quyết triệt để nội dung vụ án, đảm bảo quyền và lợi ích của các bên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự. Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm để giải quyết lại.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Lê Văn H2 đúng theo quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ trong giai đoạn phúc thẩm

Bị đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan đến hàng thừa kế của ông C1, người đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang tranh chấp. Đương sự xác định không thể biết nên không nộp trong giai đoạn sơ thẩm. Do vậy, cấp phúc thẩm sẽ xem xét tài liệu, chứng cứ bổ sung theo quy định tại Điều 287 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét thấy, nguyên đơn khởi kiện với tư cách cá nhân và là người thừa kế theo pháp luật của ông Lê Văn C1, người đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã chết không có di chúc. Do vậy, cần xác định đầy đủ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là người thừa kế theo pháp luật gồm vợ và các con của ông C1.

Theo Bản sao Giấy khai sinh số 53/GKS-BS ngày 20/3/2023 của Ủy ban nhân dân xã Đ, chị Lê Thị H4 sinh ngày 10/10/1989 có mẹ là bà Trần Thị C, cha là Lê Văn C1 và do chính ông Lê Văn C1 đi khai sinh. Các đương sự cũng xác định chị Lê Thị M2 cũng có giấy khai sinh có tên cha là ông Lê Văn C1. Đây là các tài liệu, chứng cứ mới phát sinh trong giai đoạn phúc thẩm mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể bổ sung được.

[3] Do vậy để đảm bảo các nguyên tắc xét xử, thực hiện việc thu thập chứng cứ và chứng minh được đầy đủ, cần phải hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm được quy định tại khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Ngoài ra, khi giải quyết lại vụ án, cấp sơ thẩm cần làm rõ thêm các nội dung sau đây:

[4.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn vừa là người đại diện người thừa kế để đòi lại quyền sử dụng đất hợp pháp do ông Lê Văn C1 đứng tên đăng ký và đã hiến tặng cho tổ chức tôn giáo nhưng bị ông Lê Văn H2 chiếm sử dụng. Đồng thời, nguyên đơn cũng là người đại diện cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chùa P nên cần làm rõ việc ông D vừa là cá nhân thực hiện quyền thừa kế theo pháp luật vừa là đại diện cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chùa P có đảm bảo quy định tại Điều 85 và khoản 1 Điều 87 của Bộ luật tố tụng dân sự hay không và Chùa P có yêu cầu khởi kiện hoặc yêu cầu độc lập trong vụ án hay không để giải quyết toàn diện vụ án.

[4.2] Về yêu cầu phản tố của bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất và bị đơn cũng thừa nhận, phần đất tranh chấp đã được cụ Lê Văn E tặng cho ông Lê Văn C1 để xây cất chùa từ trước năm 1975. Do vậy, cần làm rõ, theo quy định của pháp luật đất đai; pháp luật tín ngưỡng, tôn giáo và quy định về quản lý tự viện của

Giáo hội Phật giáo Việt Nam, kể từ thời điểm được công nhận cơ sở thờ tự hợp pháp, quyền sử dụng đất phần đất thửa 40, nay là chiết thửa 29 đã trở thành giáo sản của cơ sở thờ tự được công nhận hợp pháp hay không; Có được xác định là đất cơ sở tôn giáo theo quy định tại Điều 159 Luật đất đai năm 2013 hay không; Lý do chưa chỉnh lý tên từ đất cấp cho cá nhân thành đất của cơ sở thờ tự; Trường hợp cá nhân ông Lê Văn C1 có giao trả lại đất cho ông Lê Văn H2 hoặc kể cả ông Lê Văn D có đồng ý cho ông Lê Văn H2 sử dụng đất như bị đơn trình bày thì có làm thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng đất tôn giáo theo quy định của pháp luật hay không.

Đồng thời, cần làm rõ việc ông H2 kê khai đăng ký để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên phần đất ông C1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không qua thủ tục chuyển quyền theo quy định của pháp luật đất đai thì có được phép hay không; Ngoài ra, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông H2 được cấp bao gồm thửa 39, diện tích 3.940m², loại đất TQ; thửa 48, diện tích 770m², loại đất 2L; thửa 49, diện tích 300m², loại đất NĐ; thửa 47, diện tích 140m², loại đất DM; thửa 46, diện tích 820m², loại đất 2L, tổng diện tích 5.970m² nhưng ông Hoàng đã kê khai đăng ký theo tư liệu địa chính chính quy (VLAP) thuộc thửa 29, diện tích 7.512,5m², tăng 1.542,5m² thì ngoài nguyên nhân kê khai cả phần đất thuộc thửa 40, diện tích 820m² (đo đạc thực tế 740m²) thì nguyên nhân tăng diện tích do đâu; Có phải do lấn, chiếm đất công cộng bằng cách lấy đất từ thửa 40 kê lấp sông như ông H2 trình bày tại phiên tòa phúc thẩm hay không; Trong trường hợp việc này là vi phạm pháp luật thì phải kiến nghị cơ quan và người có thẩm quyền xem xét xử lý để đảm bảo nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự, do hủy án để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm nên đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm; nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Với nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị kiểm sát viên, chấp nhận một phần yêu cầu của bị đơn có kháng cáo. Hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại do phát sinh tình tiết mới tại cấp phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310, khoản 3 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 132/2022/DS-ST ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất ” giữa nguyên đơn, ông Lê Văn D với bị đơn, ông Lê Văn H2.

Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Đương sự có kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Lê Văn H2 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0008888 ngày 07/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- Chánh án;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND H.VL;
- VKSND H.VL;
- CCTHADS H.VL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lâm Triệu Hữu